



Bài báo nghiên cứu
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN VỀ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG NĂNG LỰC
THEO DỰ THẢO CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH CỬ NHÂN KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH NĂM 2022

Lê Thiều Mai Thảo , Nguyễn Thị Ngọc Lâm*

Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, Việt Nam

**Tác giả liên hệ: Lê Thiều Mai Thảo – Email: thaoltm@pnt.edu.vn*

Ngày nhận bài: 03-3-2023; ngày nhận bài sửa: 14-3-2023; ngày duyệt đăng: 24-5-2023

TÓM TẮT

Chuẩn đầu ra (CDR) là sự khẳng định của nhà trường về năng lực của sinh viên (SV) khi tốt nghiệp có khả năng đạt được sau quá trình đào tạo. Đánh giá năng lực đầu ra của SV dựa trên CDR chương trình đào tạo (CTĐT) là việc làm cần thiết để SV tự xác định được năng lực của bản thân. Nghiên cứu này nhằm mục đích xác định kết quả tự đánh giá của SV Kỹ thuật Xét nghiệm Y học (KTXNYH) năm thứ ba và năm thứ tư về mức độ đáp ứng năng lực theo dự thảo CDR CTĐT ngành Cử nhân KTXNYH (CNKTXNYH) Trường Đại học Y khoa (ĐHYK) Phạm Ngọc Thạch năm 2022. Kết quả cho thấy SV tự đánh giá mức năng lực đạt được ở mức cao (TB = 3,60 – 4,38, DLC = 0,649 – 0,891) cho cả 9 CDR (PLO1 – PLO9). Năng lực được SV đánh giá cao nhất là về CDR liên quan đến mức tự chủ và chịu trách nhiệm đối với nghề nghiệp (TB=4,38, DLC=0,652) và CDR về kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên môn (TB = 4,36, DLC = 0,649). Năng lực SV tự đánh giá còn hạn chế là về CDR kỹ năng ngoại ngữ (TB = 3,60, DLC = 0,873) và CDR kiến thức về chính trị, pháp luật (TB = 3,73, DLC = 0,891). Kết quả nghiên cứu này có thể góp phần giúp Nhà trường hoàn thiện CDR để công bố cho SV, đồng thời có những biện pháp điều chỉnh trong CTĐT, phương pháp giảng dạy, hoạt động đánh giá để nâng cao hơn nữa chất lượng dạy và học, năng lực của SV tốt nghiệp, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của thị trường lao động.

Từ khóa: cử nhân Xét nghiệm Y học; năng lực; chuẩn đầu ra; Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch; tự đánh giá

1. Giới thiệu

“Chuẩn đầu ra có thể được xem như lời cam kết, lời khẳng định của nhà trường đối với xã hội, với người sử dụng lao động, với người học về những công việc cụ thể mà SV sẽ làm được; về những kiến thức, kỹ năng, thái độ, mà SV sẽ đạt được sau khi được đào tạo tại

Cite this article as: Le Thieu Mai Thao, & Nguyen Thi Ngoc Lam (2023). Students' self-assessment on competencies drafted in standards for program learning outcomes of Bachelor of Science in Medical Laboratory Technology at Phạm Ngọc Thạch University of Medicine in 2022. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 20(5), 776-789.

nhà trường” (Nguyen et al., 2014, p.30). CĐR được xây dựng để xác định chất lượng tối thiểu của người học sau khi tốt nghiệp với những chỉ số về các “kỹ năng cứng” và “kỹ năng mềm” cụ thể, phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động (Hoang, 2018). Đối với người học, năng lực đầu ra là kết quả mong đợi cuối cùng, đặt ra mức tối thiểu mà người học cần phải thực hiện được về mặt kiến thức và các năng lực hoạt động nghề nghiệp chuyên môn được đào tạo; nội dung đánh giá năng lực đầu ra được căn cứ vào các tiêu chí CĐR của từng học phần và của CTĐT đã được công bố cho người học (Phan & Dinh, 2018). Năm 2020, CĐR CTĐT CNKTXNYH Trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch đã được ban hành kèm theo Quyết định số 2261/QĐ-TĐHYKPNT ngày 10 tháng 6 năm 2020 với 17 CĐR (PLO1 – PLO17), làm căn cứ để đánh giá khóa SV đầu tiên được đào tạo theo chương trình tín chỉ (2017-2021).

Tuy nhiên, để đảm bảo hơn nữa năng lực CNKTXNYH sau khi tốt nghiệp, đáp ứng yêu cầu của CĐR CTĐT bậc đại học về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD-ĐT) ban hành năm 2016, thực tế nghề nghiệp KTXNYH tại các đơn vị và nhu cầu phát triển chung của xã hội, năm 2022, CĐR CTĐT CNKTXNYH được thực hiện điều chỉnh, lấy ý kiến các bên liên quan nhằm xây dựng một CĐR mới đầy đủ hơn, mang tính hệ thống và logic cao hơn với dự thảo gồm 09 CĐR (PLO1 – PLO9). Trong mỗi CĐR (PLO – *Program Learning Outcomes – CĐR CTĐT*) sẽ bao gồm các tiêu chí nhỏ gọi là PI (*Performance Indicator – Chỉ số đánh giá*).

Bài viết này tổng hợp kết quả tự đánh giá của SV năm thứ ba và năm thứ tư về mức độ đáp ứng năng lực theo dự thảo CĐR CTĐT CNKTXNYH Trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch năm 2022; từ đó nắm bắt được mức độ tự đánh giá năng lực bản thân của SV theo dự thảo CĐR mới dưới góc độ SV, làm căn cứ để hoàn thiện CĐR CTĐT CNKTXNYH Trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch, đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội. Trên cơ sở CĐR đã được điều chỉnh, hướng đến sửa đổi CTĐT CNKTXNYH theo hướng phát triển năng lực, đảm bảo đạt theo các tiêu chuẩn đánh giá, kiểm định CTĐT trong và ngoài nước trong thời gian tới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang này thực hiện thu thập ý kiến tự đánh giá năng lực theo dự thảo CĐR ngành CNKTXNYH của SV Xét nghiệm năm thứ ba (SV năm 3) và năm thứ tư (SV năm 4), Khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật Y học, Trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch trong tháng 11 năm 2022 thông qua công cụ thu thập số liệu là bảng câu hỏi khảo sát.

Hai lớp Xét nghiệm năm 3 và năm 4 có tổng số 86 SV, trong đó lớp CNXNYH 2019, khóa 2019-2023 (năm 3) có 41 SV và lớp CNXNYH 2018, khóa 2018-2022 (năm 4) có 45 SV. Bảng hỏi được soạn bằng công cụ Google forms và được gửi đường dẫn (link) đến hai lớp thông qua hòm thư điện tử và thông tin trực tiếp từ giáo viên chủ nhiệm của mỗi lớp.

Tổng cộng có 55 SV đã tham gia trả lời, 26 SV của lớp CNXNYH 2018 và 29 SV của lớp CNXNYH 2019.

Bộ câu hỏi được soạn gồm 2 phần: I) Phần thông tin cá nhân và II) Phần tự đánh giá năng lực của SV gồm 9 câu hỏi tương ứng với 9 CĐR (PLO1 – PLO9) theo dự thảo CĐR ngành CNKTXNYH năm 2022, cụ thể:

PLO1: Trình bày được những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học; thực hiện đúng chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước

PI 1.1. Trình bày được đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh

PI 1.2. Vận dụng được nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin vào việc thực hiện chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân

PI 1.3. Thực hiện đúng chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước.

PLO2: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực tiếng Anh của Việt Nam để giao tiếp, đọc, hiểu tài liệu chuyên môn phục vụ quá trình học tập, thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học

PI 2.1. Giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh trong học tập hoặc thực hành nghề nghiệp.

PI 2.2. Đọc hiểu, sử dụng được các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh để phục vụ quá trình học tập, thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học.

PLO3: Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), thiết bị liên lạc, hỗ trợ thực hành nghề nghiệp hiệu quả

PI 3.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập và tra cứu tài liệu chứng cứ khoa học hiệu quả

PI 3.2. Thao tác cơ bản với phần mềm công nghệ thông tin trong thực hành nghề nghiệp

PI 3.3. Ứng dụng các thiết bị liên lạc, hỗ trợ trong thực hành nghề nghiệp.

PLO4: Tổng hợp được các kiến thức khoa học cơ sở và kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề trong công tác thực hiện KTXNYH

PI 4.1: Vận dụng được các kiến thức khoa học cơ sở để giải quyết các vấn đề chuyên ngành Xét nghiệm

PI 4.2: Giải thích được nguyên lí, nguyên tắc của các kĩ thuật xét nghiệm Hóa sinh – Miễn dịch, Huyết học, Vi – Kí sinh, Giải phẫu bệnh và Sinh học phân tử

PI 4.3. Áp dụng được kiến thức về vận hành, bảo quản, bảo dưỡng máy móc, trang thiết bị, dụng cụ chuyên ngành Xét nghiệm

PI 4.4: Vận dụng được kiến thức về sử dụng hóa chất, sinh phẩm chuyên dụng và an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm y học

PI 4.5: Tổng hợp được kiến thức bệnh học và chuyên ngành trong phân tích và biện luận kết quả xét nghiệm thường quy.

PLO5: Thực hiện đúng quy trình xét nghiệm 3 giai đoạn: trước xét nghiệm, trong xét nghiệm và sau xét nghiệm

PI 5.1: Thực hiện đúng quy trình lấy mẫu/nhận mẫu, bảo quản mẫu trong giai đoạn trước xét nghiệm

PI 5.2: Chuẩn bị được máy móc, trang thiết bị, dụng cụ, thuốc thử, hóa chất theo đúng yêu cầu kỹ thuật xét nghiệm

PI 5.3: Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm theo đúng quy trình; đảm bảo quy trình kiểm soát chất lượng trong giai đoạn xét nghiệm

PI 5.4: Thực hiện rà soát, báo cáo và trả kết quả xét nghiệm theo đúng quy trình, đảm bảo kết quả đáng tin cậy cho người sử dụng

PI 5.5: Thực hiện lưu trữ và xử lý mẫu sau khi đã xét nghiệm theo đúng quy định.

PLO6: Quản lý được hoạt động của một phòng xét nghiệm (PXN) an toàn, đảm bảo chất lượng

PI 6.1: Áp dụng được các văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát nhiễm khuẩn, an toàn sinh học và đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm vào công tác chuyên môn

PI 6.2: Thực hiện, kiểm tra, giám sát hoạt động kiểm soát nhiễm khuẩn và an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm y học

PI 6.3: Lập được kế hoạch sử dụng máy móc, trang thiết bị, thuốc thử, hóa chất xét nghiệm; sử dụng, hướng dẫn sử dụng, bảo quản được máy móc, trang thiết bị, thuốc thử, hóa chất xét nghiệm

PI 6.4: Soạn thảo được được sổ tay an toàn phòng xét nghiệm, quy trình thực hành chuẩn (SOP)

PI 6.5: Thực hiện được các biện pháp đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm; kiểm tra, đánh giá quy trình kỹ thuật; phát hiện, báo cáo các lỗi kỹ thuật đơn giản và đề xuất các giải pháp xử lý.

PLO7: Giao tiếp, hợp tác liên ngành hiệu quả với đồng nghiệp, đối tác; với người bệnh, người nhà và cộng đồng

PI 7.1: Giao tiếp và cộng tác có hiệu quả với đồng nghiệp và đối tác cùng ngành hoặc liên ngành

PI 7.2: Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà và cộng đồng.

PLO8: Tuân thủ những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, pháp lí; thể hiện tinh thần phục vụ, trách nhiệm công dân; tôn trọng các giá trị văn hóa đa dạng

PI 8.1: Chấp hành các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, quy định của pháp luật; có ý thức bảo mật và thực hiện việc bảo mật trong y khoa theo quy định

PI 8.2: Chịu trách nhiệm về các quyết định xử trí chuyên môn của mình; chịu trách nhiệm cá nhân đối với việc bảo đảm kết quả xét nghiệm chính xác, khách quan và trung thực

PI 8.3: Thực hiện được các xét nghiệm tại cộng đồng một cách độc lập hoặc phối hợp với đồng nghiệp; tham gia phòng, chống dịch bệnh khi có yêu cầu

PI 8.4: Hoạt động chuyên môn phù hợp với bối cảnh văn hóa xã hội và điều kiện thực tế; thể hiện sự tôn trọng các giá trị văn hóa đa dạng của mỗi cá nhân.

PLO9: Có tư duy tích cực, khả năng thích nghi với môi trường học tập, làm việc đa dạng; áp dụng được sáng kiến cải tiến và bằng chứng y học trong thực hành kỹ thuật xét nghiệm; có khả năng tự định hướng học tập suốt đời và tham gia nghiên cứu khoa học cho phát triển cá nhân và nghề nghiệp

PI 9.1: Có tư duy tích cực, khả năng thích nghi với môi trường học tập, làm việc đa dạng

PI 9.2: Áp dụng được sáng kiến cải tiến và bằng chứng y học trong thực hành kỹ thuật xét nghiệm

PI 9.3: Có khả năng tự định hướng học tập suốt đời và tham gia nghiên cứu khoa học cho phát triển cá nhân và nghề nghiệp.

Thang đo Likert 5 mức độ được sử dụng trong mỗi câu hỏi để SV tự đánh giá mức độ đáp ứng năng lực của bản thân với từng CDR tương ứng, trong đó: [1 điểm] = đáp ứng rất thấp (<40%), [2 điểm] = đáp ứng thấp (từ 40 – 49%), [3 điểm] = đáp ứng (từ 50 – 64%), [4 điểm] = đáp ứng tốt (từ 65 – 79%), [5 điểm] = đáp ứng rất tốt (>=80%). Mức độ đánh giá là cao khi đạt trên mức 3 của thang điểm 5 (đáp ứng tốt và rất tốt).

Phần mềm SPSS 20.0 được sử dụng để phân tích số liệu sau khi thực hiện khảo sát với các chỉ số như tần số (n), tỉ lệ (%), trị trung bình (TB), tối thiểu (min), tối đa (max), độ lệch chuẩn (ĐLC) để đánh giá mức độ đáp ứng năng lực của SV so với dự thảo CDR năm 2022.

2.2. Kết quả và thảo luận

2.2.1. Mô tả mẫu khảo sát

Bảng 1. Bảng tổng hợp thông tin của SV CNXNYH năm 3 và năm 4 tham gia khảo sát

	Đặc điểm	Số lượng	%
Lớp	CNXNYH 2019	29	52,73
	CNXNYH 2018	26	47,27
Giới tính	Nam	15	27,27%
	Nữ	40	72,73%

Trong tổng số 55 SV tham gia khảo sát có 29 SV lớp CNXNYH 2019 chiếm tỉ lệ 52,73% và 26 SV lớp CNXNYH 2018 chiếm tỉ lệ 47,27%. Nữ chiếm tỉ lệ cao hơn với 72,73% và nam chiếm tỉ lệ 27,27%.

2.2.2. Kết quả tự đánh giá mức độ đáp ứng năng lực của SV

Bảng 2. Bảng mô tả kết quả tự đánh giá mức độ đáp ứng năng lực của SV CNXNYH năm 3 và năm 4 cho từng CDR (PLO1 – PLO9) theo thang đo Likert 5 mức độ

CDR	Min	Max	Trung bình	Độ lệch chuẩn
PLO1	1	5	3,73	0,891
PLO2	1	5	3,60	0,873
PLO3	2	5	4,00	0,793
PLO4	3	5	4,13	0,721
PLO5	3	5	4,36	0,649
PLO6	2	5	3,93	0,790
PLO7	2	5	4,11	0,737
PLO8	3	5	4,38	0,652
PLO9	3	5	4,09	0,752

Với thang đo Likert 5 mức độ, để đánh giá mức độ tự đáp ứng năng lực của SV hai lớp CNXNYH năm 3 và năm 4 cho từng CĐR (Bảng 2), có thể thấy, cả 9 CĐR đều có điểm được đánh giá cao nhất là 5. Tuy nhiên, PLO1 và PLO2 có mức điểm đánh giá thấp nhất là 1 điểm, các PLO3, PLO6, PLO7 có mức điểm đánh giá thấp nhất là 2 điểm và các PLO4, PLO5, PLO8, PLO9 có mức điểm đánh giá thấp nhất là 3 điểm. Điểm trung bình cho tất cả các CĐR đều ở mức cao (đạt trên mức 3 của thang điểm 5, ĐLC từ 0,649 đến 0,891), trong đó, điểm đánh giá cho PLO8 là cao nhất (4,38 điểm) và thấp nhất là PLO2 (3,60 điểm).

Kết quả tự đánh giá mức độ đáp ứng năng lực của SV hai lớp CNXNYH năm 3 và năm 4 với từng CĐR (Bảng 3) cho thấy mức độ đáp ứng tốt chiếm tỉ lệ cao nhất ở phần lớn các CĐR (từ 43,64% đến 50,91%), riêng PLO8 có mức độ đáp ứng rất tốt (47,27%) chiếm tỉ lệ cao hơn mức độ đáp ứng tốt (43,64%) và PLO5 có mức độ đáp ứng rất tốt và tốt là bằng nhau (45,45%). Đây cũng là 2 CĐR có SV tự đánh giá năng lực ở mức cao chiếm tỉ lệ cao nhất (90,91%). PLO1 và PLO2 có mức độ đáp ứng rất tốt chiếm tỉ lệ thấp hơn so với các CĐR còn lại, đồng thời, 2 CĐR này có SV đánh giá ở mức độ đáp ứng rất thấp. Mức độ đáp ứng thấp được đánh giá ở PLO1, PLO2, PLO3, PLO6 và PLO7. Các PLO4, PLO5, PLO8, PLO9 được SV tự đánh giá ở mức độ đáp ứng đến đáp ứng rất tốt.

Bảng 3. Bảng thống kê số lượng và tỉ lệ % SV CNXNYH năm 3 và năm 4 tự đánh giá mức độ đáp ứng năng lực cho từng CĐR (PLO1 – PLO9)

CĐR	Đáp ứng rất tốt n (%)	Đáp ứng tốt n (%)	Đáp ứng n (%)	Đáp ứng thấp n (%)	Đáp ứng rất thấp n (%)
PLO1	10 (18,18)	25 (45,45)	16 (29,09)	3 (5,45)	1 (1,82)
PLO2	7 (12,73)	24 (43,64)	21 (38,18)	1 (1,82)	2 (3,64)
PLO3	16 (29,09)	24 (43,64)	14 (25,45)	1 (1,82)	0 (0)
PLO4	18 (32,73)	26 (47,27)	11 (20,0)	0 (0)	0 (0)
PLO5	25 (45,45)	25 (45,45)	5 (9,09)	0 (0)	0 (0)
PLO6	14 (25,45)	24 (43,64)	16 (29,09)	1 (1,82)	0 (0)
PLO7	17 (30,91)	28 (50,91)	9 (16,36)	1 (1,82)	0 (0)
PLO8	26 (47,27)	24 (43,64)	5 (9,09)	0 (0)	0 (0)
PLO9	18 (32,73)	24 (43,64)	13 (23,64)	0 (0)	0 (0)

So sánh kết quả tự đánh giá mức độ đáp ứng năng lực theo dự thảo CĐR sửa đổi năm 2022 giữa SV năm 3 và năm 4 (Bảng 4) cho thấy ở tất cả các CĐR, điểm trung bình của SV năm 4 cao hơn SV năm 3. Tỷ lệ điểm vẫn thấp nhất ở PLO2 về ngoại ngữ, tiếp đó là PLO1 về chính trị; PLO8 về y đức và PLO5 về thực hành kỹ thuật xét nghiệm là các CĐR có điểm đánh giá cao nhất. Đa phần ở các CĐR, SV tự đánh giá mức độ đáp ứng năng lực ở mức 3 – 5 điểm. Tuy nhiên, ở một số CĐR, có sự khác nhau về điểm đánh giá thấp nhất giữa SV năm 3 và năm 4: với PLO1, SV năm 4 đánh giá điểm thấp nhất là 1, trong khi SV năm 3 đánh giá điểm thấp nhất là 3; với PLO3, SV năm 3 đánh giá điểm thấp nhất là 2, trong khi điểm thấp nhất ở SV năm 4 là 3; với PLO5, SV năm 4 đánh giá ở mức 4 – 5 điểm nhưng với PLO6, PLO7 mức điểm thấp nhất được SV năm 4 đánh giá là 2 điểm so với SV năm 3 là 3 điểm.

Bảng 4. Bảng so sánh kết quả tự đánh giá mức độ đáp ứng năng lực giữa SV CNXNYH năm 3 và năm 4 cho từng CĐR (PLO1 – PLO9)

CNXN2019 (N = 29)				CNXN2018 (N = 26)				
Min	Max	Trung bình	Độ lệch chuẩn	CĐR	Min	Max	Trung bình	Độ lệch chuẩn
3	5	3,69	0,604	PLO1	1	5	3,77	1,142
1	5	3,52	0,738	PLO2	1	5	3,69	1,011
2	5	3,69	0,712	PLO3	3	5	4,35	0,745
3	5	3,86	0,693	PLO4	3	5	4,42	0,643
3	5	4,07	0,651	PLO5	4	5	4,69	0,471
3	5	3,83	0,658	PLO6	2	5	4,04	0,916
3	5	3,93	0,651	PLO7	2	5	4,31	0,788
3	5	4,21	0,675	PLO8	3	5	4,58	0,578
3	5	3,90	0,724	PLO9	3	5	4,31	0,736

2.2.3. Thảo luận

Việc xây dựng và công bố CĐR là một yêu cầu bắt buộc đối với các cơ sở đào tạo đại học ở nước ta hiện nay bởi lợi ích mà CĐR sẽ mang lại cho nhiều phía: nhà trường, giảng viên, SV, nhà tuyển dụng và Bộ GD-ĐT (Ngo, 2011). Đối với SV, đạt CĐR là “mục tiêu hướng đến của một quá trình học tập” (Luu, 2020, p.8). Từ kết quả tự đánh giá của SV năm 3 và năm 4 về mức độ đáp ứng năng lực theo dự thảo CĐR CTĐT ngành CNKTXNYH Trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch năm 2022, có thể thấy SV đều tự đánh giá đạt ở mức cao ($TB = 3,60 - 4,38$, $ĐLC = 0,649 - 0,891$), điều này là tương ứng với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Dũng Tuấn và cộng sự về kết quả tự đánh giá so với dự thảo CĐR của Bộ Y tế của SV Y khoa năm thứ 6 khóa 2007 – 2013 Trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch, mức tự đánh giá của SV Y6 từ 3 điểm trở lên chiếm đa số (76,8%), đồng thời, cũng tương ứng kết quả tự đánh giá của SV Cử nhân Điều dưỡng (CNĐD) khóa 2016 – 2020 theo nghiên cứu của Phan

Thị Mỹ Trinh và cộng sự năm 2020 (Phan et al., 2020) với hầu hết các SV tự đánh giá năng lực bản thân đáp ứng CĐR CTĐT ở mức độ trung bình và mức độ cao.

Trong các CĐR, mức độ tự đánh giá của SV về nội dung y đức: “Tuân thủ những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, pháp lí; thể hiện tinh thần phục vụ, trách nhiệm công dân; tôn trọng các giá trị văn hóa đa dạng” (PLO8, TB = 4,38, ĐLC = 0,652) và nội dung kĩ năng thực hành kĩ thuật xét nghiệm: “Thực hiện đúng quy trình xét nghiệm 3 giai đoạn: trước xét nghiệm, trong xét nghiệm và sau xét nghiệm” (PLO5, TB = 4,36, ĐLC = 0,649) đạt điểm đánh giá cao nhất với tỉ lệ 90,91% SV đánh giá trên 3 điểm (đáp ứng tốt và rất tốt).

Nội dung về kĩ năng mềm: “Giao tiếp, hợp tác liên ngành hiệu quả với đồng nghiệp, đối tác; với người bệnh, người nhà và cộng đồng” (PLO7, TB = 4,11, ĐLC = 0,737) đạt điểm đánh giá cao thứ hai với mức điểm tự đánh giá trên 3 chiếm tỉ lệ 81,82%. Điều này cho thấy với CTĐT hiện tại, các nội dung giảng dạy về thực hành và thời gian tham gia thực hành tại các phòng xét nghiệm ở các bệnh viện đã cung cấp cho SV kĩ năng thực hành và ý thức về đạo đức nghề nghiệp rất tốt.

Nội dung về kiến thức chuyên môn: “Tổng hợp được các kiến thức khoa học cơ sở và kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề trong công tác thực hiện KTXNYH” (PLO4, TB=4,13, ĐLC=0,721) có 80% SV tự đánh giá đạt trên 3 điểm. Tiếp đó là CĐR về tư duy tích cực, khả năng thích nghi cao, tự học tập suốt đời và nghiên cứu khoa học (PLO9, TB = 4,09, ĐLC = 0,752) chiếm tỉ lệ 76,36%; CĐR về ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) (PLO3, TB = 4,00, ĐLC = 0,793) chiếm tỉ lệ 72,73%; CĐR về quản lí hoạt động phòng xét nghiệm an toàn, đảm bảo chất lượng (PLO6, TB = 3,93, ĐLC=0,790) chiếm tỉ lệ 69,09%. Như vậy, SV tự đánh giá năng lực đạt được cho các CĐR này ở mức cao. Tuy nhiên, ở CĐR về CNTT (PLO3), về quản lí hoạt động PXN (PLO6) và kĩ năng giao tiếp, hợp tác liên ngành (PLO7) vẫn có SV tự đánh giá ở mức 2 điểm (mức đáp ứng thấp), điều này cho thấy giảng viên cần cập nhật hơn nữa cho SV các nội dung về thực tế quản lí hoạt động PXN, các ứng dụng CNTT trong hoạt động XNYH, các tình huống giao tiếp thực tế trong công tác chuyên môn, đồng thời, SV cần chủ động hơn nữa trong nghiên cứu học tập các nội dung này để có thể đáp ứng được CĐR và áp dụng vào thực tế nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.

Các CĐR về chính trị, pháp luật (PLO1, TB = 3,73, ĐLC = 0,891) và ngoại ngữ (PLO2, TB=3,60, ĐLC = 0,873) có mức độ tự đánh giá trên 3 điểm chiếm tỉ lệ thấp nhất, lần lượt là 63,64% và 56,36%. Bên cạnh đó, các CĐR này cũng có SV tự đánh giá ở mức điểm thấp nhất (1 điểm – đáp ứng rất thấp), chiếm tỉ lệ 1,82% với PLO1 và 3,64% với PLO2. Điều này cho thấy nhiều SV vẫn còn ngại với những nội dung về chính trị, pháp luật hay ngoại ngữ. Vì vậy, trong nội dung giảng dạy, giảng viên cần đổi mới phương pháp giảng dạy và hoạt động đánh giá để tăng cường sự thích thú học tập, nghiên cứu môn học và nâng cao hơn nữa kĩ năng của SV để đáp ứng tốt hơn với các CĐR này.

So sánh kết quả tự đánh giá mức độ đáp ứng năng lực giữa SV năm 3 và SV năm 4 cho thấy điểm trung bình ở từng CĐR của SV năm 4 đều cao hơn SV năm 3. Như vậy, với SV năm 4 khi được học nhiều môn chuyên ngành hơn cũng như được đi thực tế bệnh viện nhiều hơn, SV tự tin hơn vào khả năng đáp ứng CĐR của mình, thể hiện rõ ở CĐR về kỹ năng thực hành kỹ thuật xét nghiệm (PLO5 có mức điểm đánh giá cao ở khoảng 4 – 5 điểm) và thái độ trách nhiệm đối với nghề nghiệp (PLO8 về y đức). Bên cạnh đó, SV năm 4 cũng có góc nhìn thực tế hơn về nội dung quản lý hoạt động PNX (PLO6) và kỹ năng giao tiếp, hợp tác liên ngành (PLO7).

Năm 2020, CĐR các ngành đào tạo tại trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch được xây dựng và ban hành căn cứ theo các “Chuẩn năng lực cơ bản” được Bộ Y tế ban hành cho từng ngành cụ thể (như “Chuẩn năng lực cơ bản của Bác sĩ đa khoa”, “Chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam”), riêng ngành CNKTXNYH, hiện tại, “Chuẩn năng lực cơ bản của CNKTXNYH Việt Nam” vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, chưa được Bộ Y tế ban hành chính thức, do vậy, chúng tôi đã xây dựng CTĐT với 9 mục tiêu cụ thể (PO1 – PO9) và 17 CĐR (PLO1 – PLO17) bao gồm các chuẩn chung cho các ngành thuộc khối Cử nhân của Khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật Y học (PO1 về chính trị gồm PLO1 – PLO3, PO2 về ngoại ngữ gồm PLO4 – PLO5, PO3 về tin học gồm PLO6, PO4 về y đức gồm PLO7 – PLO9, PO5 về kiến thức gồm PLO10, PO8 về nghiên cứu khoa học, áp dụng sáng kiến cải tiến gồm PLO14 – PLO15 và PO9 về kỹ năng giao tiếp gồm PLO16 – PLO17); các CĐR về chuyên môn (PO6 về kỹ năng thực hành KTXNYH gồm PLO11 – PLO12 và PO7 về quản lý hoạt động PNX gồm PLO13), chúng tôi căn cứ xây dựng theo các tiêu chuẩn được quy định trong chuẩn chức danh kỹ thuật y hạng III (theo Thông tư liên tịch Số: 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật Y). Tuy nhiên, vì có căn cứ theo Chuẩn năng lực cơ bản/Chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định của Bộ Y tế nên một số CĐR có yêu cầu khá cao so với năng lực có thể đạt được của một SV ngay khi vừa tốt nghiệp. Do vậy, năm 2022, Nhà trường tiến hành điều chỉnh lại CĐR các CTĐT trên căn cứ đối sánh với các CĐR về kiến thức (KT1-KT5), kỹ năng (KN1-KN6), mức tự chủ và chịu trách nhiệm (TCTN1-TCTN4) theo Khung trình độ quốc gia bậc đại học. Điều này cho phép CĐR của ngành CNKTXNYH Trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch vừa đáp ứng được các yêu cầu của CĐR theo Khung trình độ quốc gia bậc đại học của Bộ GD-ĐT, vừa đáp ứng được các tiêu chuẩn đặc thù của một ngành học thuộc Khối ngành sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế.

Đối với dự thảo CĐR sửa đổi năm 2022, sau khi lấy ý kiến các bên liên quan và được sự góp ý từ nhiều phía (từ các chuyên gia về giáo dục, giảng viên giảng dạy các môn học trong CTĐT ngành CNKTXNYH, người sử dụng lao động, cựu SV, SV); đồng thời, thực hiện đối sánh với CĐR ngành CNKTXNYH của các Trường Đại học Y Dược TPHCM, Trường Đại học Y Hà Nội, Trường Murdoch, Úc và tham khảo CĐR của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, CĐR mới của ngành CNKTXNYH Trường ĐHYK Phạm Ngọc

Thạch đã được chỉnh sửa hoàn thiện hơn về nội dung: bổ sung, điều chỉnh các PI thành phần, thay đổi một số động từ bắt đầu các PLO nhằm đảm bảo nội dung của PLO bao hàm được nội dung của các PI thành phần (PLO1, PLO4). Bên cạnh đó, để có sự thống nhất, đồng bộ và tương đồng về nội dung đánh giá năng lực với CDR của một số ngành đào tạo cử nhân khác trong Khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật Y học (PLO1 về chính trị, PLO2 về ngoại ngữ, PLO3 về tin học, PLO4 về kiến thức, PLO5 về Kỹ năng giao tiếp, hợp tác liên ngành, PLO6 về mức tự chủ và chịu trách nhiệm đối với nghề nghiệp (y đức), PLO7 về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm khác, PLO8 – PLO9 về nội dung theo từng chuyên ngành, chúng tôi đã sắp xếp lại thứ tự các PLO5 – PLO9. Do vậy, thứ tự của các CDR khi được công bố sẽ có sự thay đổi so với bản dự thảo được sử dụng trong nghiên cứu này, cụ thể:

PLO1 Vận dụng những nội dung cơ bản của Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn

PI 1.1. Giải thích được những nội dung cơ bản của Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

PI 1.2. Vận dụng được những nội dung cơ bản của Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam vào hoạt động nhận thức và hoạt động xã hội, hoạt động chuyên môn

PI 1.3. Chủ động trong học tập, tôn trọng tính kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

PLO2 Đạt trình độ năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo khung 6 bậc của Bộ GD-ĐT quy định (tương đương với B1 khung châu Âu), đồng thời sử dụng được ngoại ngữ trong môi trường làm việc, cập nhật kiến thức chuyên môn Y khoa

PI 2.1. Giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh trong học tập hoặc thực hành nghề nghiệp

PI 2.2. Đọc hiểu, sử dụng được các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh để phục vụ quá trình học tập, thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học.

PLO3 Đạt chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. Ứng dụng một số phần mềm chuyên dụng để xử lý dữ liệu thống kê trong nghiên cứu Y khoa

PI 3.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập và tra cứu tài liệu chứng cứ khoa học hiệu quả

PI 3.2. Thao tác cơ bản với phần mềm công nghệ thông tin trong thực hành nghề nghiệp

PI 3.3. Ứng dụng các thiết bị liên lạc, hỗ trợ trong thực hành nghề nghiệp.

PLO4 Ứng dụng được các kiến thức khoa học cơ bản – y học cơ sở và kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề trong công tác xét nghiệm

PI 4.1. Vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản – y học cơ sở để giải quyết các vấn đề trong công tác xét nghiệm

PI 4.2. Giải thích được nguyên lí, nguyên tắc của các Kỹ thuật Xét nghiệm Hóa sinh – Miễn dịch, Huyết học, Vi – Kí sinh, Giải phẫu bệnh và Sinh học phân tử

PI 4.3. Áp dụng được kiến thức về vận hành, bảo quản, bảo dưỡng máy móc, trang thiết bị, dụng cụ chuyên ngành xét nghiệm

PI 4.4. Vận dụng được kiến thức về sử dụng hóa chất, sinh phẩm chuyên dụng và an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm y học

PI 4.5. Ứng dụng được kiến thức bệnh học và chuyên ngành trong phân tích và biện luận kết quả xét nghiệm thường quy.

PLO5 Giao tiếp, hợp tác liên ngành hiệu quả với đồng nghiệp, nhân viên y tế; với người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng

PI 5.1. Giao tiếp và cộng tác có hiệu quả với đồng nghiệp, nhân viên y tế cùng ngành hoặc liên ngành

PI 5.2. Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng.

PLO6 Tuân thủ những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và quy định pháp luật; thể hiện tinh thần phục vụ, trách nhiệm công dân; tôn trọng các giá trị văn hóa đa dạng

PI 6.1. Chấp hành các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và quy định của pháp luật; có ý thức bảo mật và thực hiện việc bảo mật trong y khoa theo quy định

PI 6.2. Chịu trách nhiệm cá nhân đối với việc bảo đảm kết quả xét nghiệm chính xác, khách quan và trung thực

PI 6.3. Sẵn sàng thực hiện các xét nghiệm tại cộng đồng khi có yêu cầu

PI 6.4. Tôn trọng các giá trị văn hóa đa dạng của mỗi cá nhân trong thực hành chuyên môn xét nghiệm y học.

PLO7 Có tư duy tích cực, khả năng thích nghi với nhiều môi trường học tập và thực hành; áp dụng được sáng kiến cải tiến và bằng chứng y học trong thực hành Kỹ thuật Xét nghiệm; có khả năng tự định hướng học tập suốt đời và tham gia nghiên cứu khoa học cho phát triển cá nhân và nghề nghiệp

PI 7.1. Có tư duy tích cực, khả năng thích nghi với nhiều môi trường học tập và thực hành

PI 7.2. Áp dụng được sáng kiến cải tiến và bằng chứng y học trong thực hành Kỹ thuật Xét nghiệm

PI 7.3. Có khả năng tự định hướng học tập suốt đời và tham gia nghiên cứu khoa học cho phát triển cá nhân và nghề nghiệp.

PLO8 Thực hiện đúng quy trình xét nghiệm 3 giai đoạn: trước xét nghiệm, trong xét nghiệm và sau xét nghiệm

PI 8.1. Thực hiện đúng quy trình lấy mẫu/nhận mẫu, bảo quản mẫu trong giai đoạn trước xét nghiệm

PI 8.2. Chuẩn bị được máy móc, trang thiết bị, dụng cụ, thuốc thử, hóa chất theo đúng yêu cầu Kỹ thuật Xét nghiệm.

PI 8.3. Thực hiện các Kỹ thuật Xét nghiệm theo đúng quy trình; đảm bảo quy trình kiểm soát chất lượng trong giai đoạn xét nghiệm

PI 8.4. Thực hiện rà soát, báo cáo và trả kết quả xét nghiệm theo đúng quy trình, đảm bảo kết quả đáng tin cậy cho người sử dụng.

PI 8.5. Thực hiện lưu trữ và xử lý mẫu sau khi đã xét nghiệm theo đúng quy định

PLO9 Quản lý được hoạt động của một phòng xét nghiệm an toàn, đảm bảo chất lượng

PI 9.1. Áp dụng được các văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát nhiễm khuẩn, an toàn sinh học và đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm vào công tác chuyên môn

PI 9.2. Thực hiện hoạt động kiểm soát nhiễm khuẩn và an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm y học theo quy định

PI 9.3. Lập được kế hoạch sử dụng máy móc, trang thiết bị, thuốc thử, hóa chất xét nghiệm; sử dụng, hướng dẫn sử dụng, bảo quản được máy móc, trang thiết bị, thuốc thử, hóa chất xét nghiệm

PI 9.4. Soạn thảo được sổ tay an toàn phòng xét nghiệm, quy trình thực hành chuẩn (SOP)

PI 9.5. Thực hiện được các biện pháp đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm; phát hiện, báo cáo các lỗi kỹ thuật đơn giản và đề xuất các giải pháp xử lý.

3. Kết luận

Dựa vào dự thảo CDR ngành CNKTXNYH năm 2022, SV năm 3 và năm 4 ngành CNKTXNYH đã tự đánh giá mức năng lực đạt được ở mức cao (TB=3,60–4,38, DLC=0,649–0,891). Năng lực được SV đánh giá cao nhất là về CDR liên quan đến mức tự chủ và chịu trách nhiệm đối với nghề nghiệp: “Tuân thủ những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và quy định pháp luật; thể hiện tinh thần phục vụ, trách nhiệm công dân; tôn trọng các giá trị văn hóa đa dạng” (TB=4,38, DLC = 0,652) và CDR về kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên môn: “Thực hiện đúng quy trình xét nghiệm 3 giai đoạn: trước xét nghiệm, trong xét nghiệm và sau xét nghiệm” (TB = 4,36, DLC = 0,649). Năng lực SV tự đánh giá còn hạn chế là về CDR kỹ năng ngoại ngữ (TB = 3,60, DLC = 0,873) và CDR kiến thức về chính trị, pháp luật (TB = 3,73, DLC = 0,891).

Việc đánh giá năng lực dựa trên CDR sẽ tạo điều kiện cho SV tự xác định được năng lực của bản thân, chỉ ra được những năng lực tốt và những năng lực còn hạn chế, từ đó, giúp SV tự tin hơn khi tốt nghiệp và bước chân vào thị trường việc làm. Đây cũng là căn cứ để Nhà trường và giảng viên có những thay đổi trong CTĐT, phương pháp giảng dạy, hoạt động đánh giá để nâng cao hơn nữa chất lượng dạy và học, năng lực của SV tốt nghiệp, đáp ứng được nhu cầu ngày càng phát triển của thị trường lao động.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hoang, T. H. (2018). Nâng cao chất lượng xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ở một số cơ sở giáo dục đại học nước ta [Improve effectiveness of building standards of learning outcomes for curricula at tertiary institutions in Vietnam]. *Vietnam Journal of Education, Special Issue 2* (May), 86-89.
- Luu, K. L. (2020). Nghiên cứu về đánh giá sinh viên và định hướng đánh giá sinh viên theo chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học [Students assessment according to program learning outcomes]. *Vietnam Journal of Education, 483*(1), 6-12.
- Ngo, H. D. (2011). Một số vấn đề liên quan đến việc xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ở các trường Đại học ở nước ta hiện nay [Related issues to the development and publication of outcome standards at universities in Vietnam nowadays]. *Vietnam Journal of Education, 256*(2), 16-18.
- Nguyen, D. T., Tran, N. T., Diep, T., & Vu, P. Y. (2013). Kết quả tự đánh giá sơ voi du thao chuẩn đầu ra của Bộ Y tế của sinh viên Y khoa năm thứ 6 khóa 2017 – 2013 Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch [The results of self-evaluation by senior students at Phạm Ngọc Thạch University of Medicine compared to the proposed outcome standards of the Ministry of Health]. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science, 48*(1), 54-65.
- Nguyen, H. L., Pham, C. B., & Le, N. Q. L., (2014). *Chương trình đào tạo tích hợp: Từ thiết kế đến vận hành* [Integrated training program: from design to operation]. Vietnam National University of Ho Chi Minh City Publishing House.
- Phan, T. M. T., Le, V. T., Dang, T. N. T., Do, T. H., Lam, T. T. T., Ho, T. T. P., Bui, T. N., & Le, T. M. L. (2020). Kết quả tự đánh giá của sinh viên về mức độ đáp ứng năng lực theo chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch năm 2020 [Results of students' self-assessment on response level of competency by program outcome standards of Bachelor of Nursing at University of Medicine Phạm Ngọc Thạch in 2020]. *Journal of Nursing Science, 4*(3), 37-46. DOI: 10.54436/jns.2021.3.342
- Phan, T. Y., & Dinh, T. K. T. (2018). Mô hình đánh giá năng lực đầu ra của sinh viên tốt nghiệp ngành quốc tế học tại Việt Nam [Learning outcomes assessment model for undergraduate students of international studies in Vietnam]. *Vietnam Journal of Education, 436*(2), 21-28.
- Prime Minister (2016). *Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam* [Decision No. 1982/QĐ-TTg dated October 18, 2016, on approval for Vietnamese qualifications framework].

**STUDENTS' SELF-ASSESSMENT ON COMPETENCIES DRAFTED
IN STANDARDS FOR PROGRAM LEARNING OUTCOMES
OF BACHELOR OF SCIENCE IN MEDICAL LABORATORY TECHNOLOGY
AT PHAM NGOC THACH UNIVERSITY OF MEDICINE IN 2022**

Le Thieu Mai Thao^{}, Nguyen Thi Ngoc Lam*

Pham Ngoc Thach University of Medicine, Vietnam

**Corresponding author: Thao Le Thieu Mai – Email: thaoltm@pnt.edu.vn*

Received: March 03, 2023; Revised: March 14, 2023; Accepted: May 24, 2023

ABSTRACT

Program learning outcomes are the affirmation by higher education institutions of the what a graduates can do upon graduation. Students' self-assessing students' learning based one the predefined Program Learning Outcomes (PLO) is necessary. This study aims to ask third- and fourth-year students to self-assess their competencies against the outcomes drafted for Bachelor of Science in Medical laboratory technology at Pham Ngoc Thach University of Medicine in 2022. The results showed the level of self-reported competencies is high ($M = 3.60 - 4.38$, $SD = 0.649 - 0.891$) for all PLO1 – PLO9. They rated highest for the outcomes of autonomy and responsibility ($M = 4.38$, $SD = 0.652$) and the one of professional practice skills ($M = 4.36$, $SD = 0.649$). The limited one were their competencies of foreign language skills ($M = 3.60$, $SD = 0.873$) and the one of knowledge about politics and law ($M = 3.73$, $SD = 0.891$). Following the result of this study, Pham Ngoc Thach University will revise the PLOs, the curriculum, teaching methods, and assessment activities to improve the quality of teaching and learning, the graduates' competencies to adapt the increasing demand of the labor market.

Keywords: Bachelor of Science in Medical Laboratory Technology; competency; Pham Ngoc Thach University of Medicine; program learning outcomes; self-assessment